

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

LÊ QUANG ĐỊNH VỚI VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT TỔ QUỐC TRONG HOÀNG VIỆT NHẤT THỐNG DƯ ĐỊA CHÍ

Trần Đình Hằng^(*)

1. Lê Quang Định - một người Thừa Thiên trong *Gia Định tam gia*

Trong bối cảnh Đàng Trong - Việt Nam - Đại Nam cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, *Gia Định tam gia* là một hiện tượng đặc biệt, tụ hội ba nhân vật khoa hoạn trứ danh của đất phương Nam, từ ảnh hưởng của một người thầy danh giá là Võ Trường Toản: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh và Lê Quang Định, lập nên *Bình Dương thi xã*. Trong đó, ngoài Lê Quang Định là người quê gốc Thừa Thiên thì hai vị còn lại đều là người Minh Hương. Dấu tích rõ nét nhất còn lại đến nay là tập *Gia Định tam gia thi*, in chung thơ của ba ông, được Trịnh Hoài Đức khắc in vào năm Minh Mệnh thứ 3 (1822). Điều này được *Liệt truyện* đề cập đến khi nhấn mạnh trước tác của Trịnh Hoài Đức, nổi bật với *Gia Định thông chí*, *Cần Trai thi tập*, *Bắc sứ thi tập*, và nhất là tác phẩm chung của họ “*Gia Định tam gia thi tập* lưu hành ở đời”.⁽¹⁾

Liệt truyện cho biết tóm tắt tiểu sử và hành trạng của ông. Lê Quang Định (1759 - 1813), tự là Tri Chi, hiệu là Tấn Trai,⁽²⁾ quê chính ở làng Tiên Nộn, huyện Phú Vinh, phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế). Cha ông tên là Sách, làm Thủ ngự nguyên Đà Bồng và mất ở nơi làm quan. Do sớm mồ côi, gia cảnh rất nghèo khó nên ông cùng với người anh là Hiến di cư vào Gia Định, ngụ ở Bình Dương, lớn lên ngày càng thông minh ham học. Nhờ đó, ông được y sinh là Hoàng Đức Thành (Hoàng Đình Thắng - theo nhà nghiên cứu Phan Đăng) thương quý giúp đỡ nhiều và rồi lại còn gả con gái cho.

Lê Quang Định cố chí học hành, cùng với Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh là bạn tâm giao, tôn Võ Trường Toản làm thầy, lập ra *Bình Dương thi xã*, tụ hội nhiều văn nhân mặc khách phong lưu tao nhã bốn phương theo học. Khi chúa Nguyễn Ánh thu phục Gia Định, tháng 9 năm Mậu Thân (1788), ông cùng với Trịnh Hoài Đức đều thi đỗ, được bổ chức Hàn Lâm Viện chế cáo.⁽³⁾ Tháng 6 năm Kỷ Dậu (1789), ông cùng 11 người khác (Trịnh Hoài Đức, Ngô Tông Chu, Hoàng Minh Khánh...) được cử ra làm chức Điền tuần, đi tuần các huyện khuyên bảo làm ruộng trồng dâu.⁽⁴⁾

(*) Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế.

Một thời gian sau, đến tháng 3 năm Quý Sửu (1793), triều đình lập Hoàng tử Cảnh làm Đông cung, nhưng bởi còn trẻ tuổi (14 tuổi) nên nhà vua cho dựng nhà Thái học, đặt 1 Đông cung phụ đạo, 2 Thị giảng, 8 Hàn Lâm thị học, 6 Quốc Tử Giám thị học, “mỗi ngày hai buổi họp các quan đốc học ở nhà Thái học để giảng bàn kinh sử. Phàm Đông cung nói gì làm gì, thị học phải ghi hết, mỗi tháng một lần tiến lên vua xem, để xem đức nghiệp tiến ích thế nào”. Từ đó mà Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định được chọn làm Đông cung thị giảng. Tháng 11 năm đó, ông được thăng bổ Hữu Tham tri Bộ Binh.⁽⁵⁾

Trong chiến cuộc miền Nam kéo dài nhiều năm, ông từng theo quân đi trông coi việc lương. Năm Canh Thân (1800), ông theo Nguyễn Văn Nhân giúp Đông cung Cảnh ở lại Gia Định. Tháng 3 năm Nhâm Tuất (1802), ông được triệu về kinh, thăng Hiệp trấn Thanh Hoa; tháng 11, thăng Binh Bộ Thượng thư, sung làm Chánh sứ cùng với Giáp, Át phó sứ là Lê Chính Lộ, Nguyễn Gia Cát sang nhà Thanh cầu phong. Chính trong bối cảnh này mà sứ đoàn nhà Nguyễn đã khẳng định đất nước ta có cả đất An Nam Việt Thường nên xin đổi gọi là nước Nam Việt nhưng phía nhà Thanh sau đó chỉ chịu sắc phong quốc hiệu Việt Nam, kể từ Hoàng triều Gia Long.

Mùa xuân năm Gia Long thứ 3 (1804), sau khi hoàn tất các nghi lễ trọng đại của quốc gia, ông trở lại lĩnh việc bộ như cũ. Ngay sau ngày khai hoàn, lúc ông đảm nhận trọng trách Thượng thư Bộ Binh, vua Gia Long đã sớm ban lệnh cho ông kê cứu sách vở bản đồ cả nước, các thành dinh trấn đạo, phụng sắc làm sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Đến tháng 11 năm Bính Dần, Gia Long thứ 5 (1806) thì sách làm xong, “khảo cứu đồ bản, sổ sách cả nước, từ kinh sư trở vào Nam đến Hà Tiên, trở ra Bắc đến Lạng Sơn, phàm núi sông hiểm trở hay dễ, đường sá xa hay gần, giới hạn bờ cõi, nguyên ủy các sông; và cầu, cống, chợ, điểm, phong tục, thổ sản, ghi chép tất cả, dọn làm 10 quyển. Sách làm xong, đem dâng lên, vua khen ngợi”.⁽⁶⁾

Tháng 11 năm Kỷ Ty (1809), ông được đổi bổ Thượng thư Bộ Hộ, sau đó lại được kiêm quản Khâm Thiên Giám (Tháng 3 năm Canh Ngọ - 1810)⁽⁷⁾ rồi lại phụng sắc khâm định chương trình kiến canh điền bạ, chia ruộng làm 5 bậc, thuế thu làm 4 lần.

Chính trong thời gian này ông đã để lại dấu tích ở nguyên quán là quả chuông đồng do ông dâng cúng vào chùa Tiên Phước, ngôi cổ tự của làng Tiên Nộn vào năm 1809, khi đang giữ chức Thượng thư Bộ Binh thời Gia Long. Chuông hiện còn nguyên vẹn và được bảo quản tốt tại chùa Tiên Phước xưa nay. Trên chuông có khắc bài minh, bài tán do chính ông biên soạn, với lạc khoản: 皇朝嘉隆萬萬年之八歲在己巳秋七月. 邑紳黎晉齋自泐 - Tháng Bảy mùa thu, năm Kỷ Ty, Hoàng triều niên hiệu Gia Long thứ 8 [1809]. Quan viên người làng là Lê Tấn Trai tự tay viết chữ để khắc vào chuông.⁽⁸⁾

Tháng 11 năm Tân Mùi (1811), triều đình cử Tổng Phước Lương và Lê Quang Định sung Sơn lăng sứ, sai cùng Trịnh Hiến và Lê Duy Thanh xem chọn kiêu đất đẹp cho sơn lăng (thuộc xã Định Môn). Duy Thanh vẽ đồ bản dâng lên, phương án thi công được duyệt và triều đình cho sớm triển khai.⁽⁹⁾ Đến tháng 2 năm Quý Dậu (1813), Lê Quang Định lâm trọng bệnh, vua sai Hoàng tử Kiến An công Đài thân đến hỏi thăm, lại sai Trung sứ mang cho sâm quế. Ông qua đời ở tuổi 54, nhà vua vô cùng thương tiếc, tặng Tham chính, ban cho quan tài, sa, gấm, vải trắng và 500 quan tiền, cấp cho 3 người mộ phu. Ngay hôm chôn, nhà vua cho thuyền quân đi đưa.⁽¹⁰⁾

Lê Quang Định được đánh giá là người “tài thức tinh thông, minh mẫn, am hiểu chính thể, tính cẩn thận kín đáo, ít sự ham muốn, chữ viết tốt, thơ hay, vẽ khéo, vẽ lan trúc bằng thủy mặc rất giỏi, nét vẽ và bài thơ về xe của sứ thần đi, làm cho người nước Thanh phải khen thưởng. Trịnh Hoài Đức từng tập hợp thơ của mình và thơ của Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh làm ra đem khắc in, gọi tên là *Gia Định tam gia thi lưu hành ở đời*”.⁽¹¹⁾

Hoàng đế Thiệu Trị, vào tháng 5 nhuận năm Bính Ngọ (1846) ban dụ định lễ việc thờ tự các vị công thần ở các miếu Trung Hưng, Trung Tiết, Hiến Trung, trong đó nhấn mạnh các công thần đời trung hưng đã được thờ mà chức, tên còn có thiếu sót, và chưa được thờ mà là bề tôi văn võ cũ, hiền lành giúp việc chính sự, công trạng tỏ rõ, như Thượng thư Bộ Lễ Đặng Đức Siêu, Thượng thư Bộ Hộ Lê Quang Định, thực đã trước sau giữ tiết trọn vẹn; phải tra rõ sự trạng ngay, kê khai tên và hàm..., “để tỏ đạo hậu”. Tuy nhiên, phải đến tháng 12 năm Nhâm Tý, Tự Đức thứ 5 [1852], Bộ Lễ mới dâng danh sách các quan văn võ từ năm Gia Long thứ 9 trở về sau, xin dâng cho thờ tự bổ thêm, nhà vua cho truy lục 11 người được thờ vào miếu Trung Hưng công thần, trong đó đều có *Gia Định tam gia*, đứng đầu là *Hộ Bộ Thượng thư, Mẫn Chính hầu*, tặng Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Trụ quốc Tham chính, thụy *Trung Hiến* là Lê Quang Định; *Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Lại Bộ Thượng thư, An Mỹ hầu*, tặng Đặc tiến Vinh lộc Đại phu, Hữu Trụ quốc Thiếu bảo, Cần Chính Điện Đại học sĩ, thụy *Văn Khác* là Trịnh Hoài Đức và *Công Bộ Thượng thư lĩnh Gia Định thành hiệp Tổng trấn Tĩnh Viễn hầu* là Ngô Nhân Tĩnh (thứ 10).

Trong 11 vị công thần đó, những nhân vật còn lại sắp xếp theo thứ tự là **(3)** *Hình Bộ Thượng thư, Hương Phong hầu*, tặng Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Trụ quốc Tham chính, thụy *Đoan Nhã* là Phạm Như Đăng; **(4)** *Lễ Bộ Thượng thư, Dĩnh Hương hầu*, tặng Sùng tiến Tuyên lộc Đại phu, Trụ quốc Tham chính, gia tặng Vinh lộc Đại phu, Trụ quốc Thiếu sư, *Hiệp biện Đại học sĩ*, thụy *Đôn Nhã* là Đặng Đức Siêu; **(5)** *Lễ Bộ Thượng thư Hưng Nhượng hầu*, tặng Vinh lộc Đại phu, Trụ quốc, *Hiệp biện Đại học sĩ*, thụy *Trung Nhã*, gia tặng Đặc tiến Vinh lộc Đại phu, Thái bảo Cần Chính Điện Đại học sĩ, phong *Đức Quốc công* là Phạm Đăng

Hưng; (6) *Hộ Bộ Thượng thư, Khánh Trạch hầu* tặng *Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Trụ quốc Tham chính*, thụy *Đoan Hiến* là Nguyễn Đình Đức; (7) *Vọng Các Khâm sai Chương dinh, Long Vân hầu*, thụy *Trung Xác* là Nguyễn Long; (8) *Khâm sai Chương dinh, lĩnh Gia Định thành Phó tổng trấn, Long Vân hầu* là Trương Tiến Bảo; (9) *Thần Sách quân, Hữu dinh Đô thống chế, lĩnh Thanh Hóa đốc trấn, Chương Đức hầu*, tặng *Dực vận tôn thân, Đặc tiến Trấn quốc Đại tướng quân, Chương dinh*, thụy *Vũ Tiết* là Tôn Thất Chương; (11) *Tả quân Đô thống Chương phủ sự, Lương Năng bá* là Nguyễn Văn Hiếu.⁽¹²⁾



Ảnh 1: Lăng mộ của ngài Lê Quang Định cạnh chùa Thiên Tôn, Huế. (Ảnh: Thăng Long, Trần Đình Hằng).

Hiện nay, từ thông tin chỉ dẫn của các vị tiền bối, chúng tôi đã tiếp cận khu lăng mộ nằm về phía tây nam thành phố Huế, phía trước, bên trái, cạnh chùa Thiên Tôn (Ngũ Tây, phường An Tây). Mặc dù cây cối mọc um tùm, trong khuôn viên lăng mộ có cả cây rất lớn, cho thấy đã mấy mươi năm không có người chăm sóc hương khói, nhưng ở đó hiện vẫn có hai ngôi mộ còn gần như nguyên dạng, đặc biệt là tấm bia nguyên vẹn, chỉ bị nghiêng đổ, nội dung văn bia ghi rõ:

*. 越故賛治功臣戸部尚書贈柱國參政黎忠献公之墓 *Việt cố - Tán trị Công thần Hộ Bộ Thượng thư, tặng Trụ quốc Tham chính Lê Trung Hiến công chi mộ* - (Phần mộ quan Tán trị công thần, Thượng thư Bộ Hộ, tặng Trụ quốc Tham chính Lê [thụy] Trung Hiến) - 癸酉年秋七月穀旦, 孝子光霽立石 *Quý Dậu niên thu thất nguyệt cốc đán. Hiếu tử Quang Tuấn lập thạch* (Con là Quang Tuấn lập bia vào ngày tốt, tháng 7 mùa thu, năm Quý Dậu).

*. 越故戶部尚書柱國參政黎忠獻公夫人黃氏慈節之墓 *Việt cố - Hộ Bộ Thượng thư Trụ quốc Tham chính Lê Trung Hiến công phu nhân Hoàng thị Từ Tiết chi mộ* (Phần mộ bà Hoàng thị [thụy] Từ Tiết, phu nhân của quan Thượng thư Hộ Bộ, Trụ quốc Tham chính Lê [thụy] Trung Hiến). Lạc khoản ghi: 孝子黎光寓奉立 (Hiếu tử Lê Quang Tuấn phụng lập).⁽¹³⁾



Ảnh 2: Bản dập bia mộ Thượng thư Lê Quang Định (trái) và phu nhân. (Ảnh: PVVHNTVN tại Huế).

Rõ ràng là căn cứ vào văn bản của Bộ Lễ thời Thiệu Trị và Tự Đức trong việc truy lục công trạng các bậc công huân để đưa vào thờ tự ở miếu Trung Hưng công thần và những thông tin quan trọng trên hai văn bia này, có thể khẳng định đây chính là lăng mộ của ông bà Lê Quang Định. Ông mất năm Quý Dậu (1813) thì lạc khoản năm Quý Dậu ở đây phải sau năm 1813, có nghĩa là sau khi ông được truy phong theo các văn bản của Bộ Lễ thời Thiệu Trị và Tự Đức, có thể sớm nhất tương ứng với năm dương lịch 1873.

Đáng chú ý ở đây là người đứng phụng lập trên văn bia là Hiếu tử Lê Quang Tuấn, theo lẽ thường, đó chính là con trai trưởng của ông bà. Trong khi *Liệt truyện* cho biết ông có hai người con là Dao và Dần. Dao làm quan đến Chủ sự Ty Cẩn tín; Dần làm quan đến Lang trung Phủ Nội vụ.⁽¹⁴⁾ Trong chế độ lục dụng con cháu nhờ công lao của cha ông được thực thi vào tháng 7 năm Giáp Thân - Minh Mệnh thứ 5 (1824), các con của Thượng thư Hộ Bộ Lê Quang Định là Lê Quang Dao, Lê Quang Dần (*sic*); con Thượng thư Hình Bộ Nguyễn Tử Châu là Nguyễn Tử Cư, con Phạm Như Đăng là Phạm Như Kỳ làm Hàn Lâm Viện Đãi chiếu sung Hành tẩu Lại Bộ để học tập chính sự.⁽¹⁵⁾

Trong bài tựa *Gia Định tam gia thi*, An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức cho biết: “Vào mùa hạ năm Canh Thìn (1820), tôi từ thành Gia Định được chỉ vào kinh bái lễ Quốc hiệu, rồi phụng mệnh ở lại kinh nắm giữ việc ở bộ vụ. Vừa lúc ấy con thứ của người bạn đã mất Lê Hộ Bộ (Lê Quang Định) là Quang Dao, con thứ ba của Ngô Công Bộ (Ngô Nhân Tĩnh) là Quốc Khuê đều đến tham kiến, mỗi người đều dâng tập thơ của cha mình xin nhờ tôi khắc bản. Trước đây tôi cùng hai bạn xướng thù vịnh họa nên biết thơ của họ rất nhiều, nay chỉ còn độ một phần trăm, mười phần nghìn thì kinh ngạc xót xa, rồi gạn hỏi suy xét hết, thì đều nói vì mất mát, qua sự tìm tòi chọn nhặt trong hòm rương của hai bạn trước đây chỉ còn được bấy nhiêu”.⁽¹⁶⁾

Như vậy, Lê Quang Dao là con thứ và lập luận Lê Quang Tuấn là con trưởng, được đứng lập thạch, cần phải được tìm hiểu, xác minh thêm. Thiết nghĩ, việc tham khảo các nguồn tài liệu của dòng họ, như gia phả, sắc phong, sẽ thiết thực bổ sung cho quá trình khảo cứu này được xác đáng hơn, tiếc là cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa tiếp cận được.

2. Khát vọng nhất thống cơ đồ trong một công trình địa chí đặc biệt

Từ cái nôi châu thổ Bắc Bộ, quá trình mở cõi về Nam suốt chiều dài lịch sử đã kiến tạo nên cường quốc Đại Nam với một lãnh thổ và lãnh hải thống nhất. Trên dải đất trải dài suốt nhiều biên độ địa lý, bao chứa bức tranh đa dạng về địa lý tự nhiên lẫn văn hóa của các cộng đồng tộc người, luôn tiềm ẩn nguy cơ qua phân, làm nảy sinh nhu cầu thống nhất thường trực trong lịch sử Việt Nam. Hoàn Sơn, rồi Sông Gianh thời trung đại, cả cương vực địa lý lẫn ranh giới nghiệt ngã do con người tạo ra đều được triệt thoái, hóa giải mọi ngăn cách nhờ vào khát vọng và nhu cầu thống nhất mãnh liệt đó, của từng con người cho đến quốc gia dân tộc.

Thống nhất quốc gia không chỉ là việc xóa bỏ chiến hào, thành lũy quân sự mà quan trọng và sâu xa hơn là sự thống nhất từ đường đi lối lại cho đến luật pháp, chế độ đo lường, tiền tệ, phong tục tập quán lễ nghi, ăn mặc..., thực sự thu giang sơn về một mối. *Hoàng Việt* thời Gia Long, do vậy càng nổi bật khát vọng thống nhất đất nước trên nhiều phương diện, nhất là từ lãnh thổ - lãnh hải qua công trình khảo cứu cấp thiết *Nhất thống dư địa chí* của tác giả Lê Quang Định. Sắc phong từ triều Minh Mạng về sau thường đặc biệt nhấn mạnh dấu ấn công lao *thống nhất hải vũ* của Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế Gia Long là vậy.

Với khát vọng thu giang sơn về một mối, thống nhất hải vũ mạnh mẽ như vậy, chúa Nguyễn Phúc Ánh - Hoàng đế Gia Long trong suốt quá trình tái lập vương triều Nguyễn qua các năm Tân Dậu - Nhâm Tuất (1801-1802), theo *Thực lục*, đã nhanh chóng giao trọng trách cho Thượng thư Bộ Binh Lê Quang Định kê cứu sách vở bản đồ cả nước, các thành dinh trấn đạo để làm nên công trình địa chí đồ sộ thấm đẫm tinh thần *nhất thống* giang sơn đó.⁽¹⁷⁾

Trong biểu dâng sách, Binh Bộ Thượng thư Lê Quang Định khẳng định *Tứ cực - Cửu châu*, cương giới phải rõ ràng, ghi tạc trong lòng và biên chép thành văn để rộng truyền cho hậu thế. Đây là nền tảng căn bản cho những công trình dư địa chí quan trọng khác về sau dưới thời Nguyễn như *Gia Định thành thông chí* đối với vùng châu thổ Nam Bộ - *Nam Châu*, *Đại Nam nhất thống chí* trên phạm vi toàn lãnh thổ Đại Nam v.v. Những vạc đồng thời chúa Nguyễn, Cửu đỉnh và cả mô hình quản lý vùng Cửu châu ky mi thời Nguyễn..., sâu xa, đều chuyển tải khát vọng, thông điệp khẳng định bản sắc dân tộc và bản lĩnh quốc gia của tiền nhân. Tất cả nhằm nhấn mạnh tính chiến lược vĩ mô và ý nghĩa thiêng liêng cao cả của một công trình dư địa chí *nhất thống*, thể hiện rõ nét từ việc mở rộng cương vực, thu phục bờ cõi, thống nhất tiền tệ, các đơn vị đo lường và nhất thống văn hiến (địa danh, ngôn ngữ, phong tục, trang phục...), thông suốt thanh giáo từ Nam chí Bắc, chính thức định hình nên kết cấu *từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau* bền vững thiêng liêng trong tâm thức Việt Nam suốt chiều dài lịch sử. Qua những con đường, dịch trạm, địa danh, đền miếu... là vô số câu chuyện kể mang đậm dấu ấn lịch sử - văn hóa của mọi miền đất nước Đại Nam mà đến nay vẫn rất ý nghĩa, vẫn còn nguyên giá trị tham khảo một cách đặc biệt quan trọng.

Từ ảnh hưởng của xử sĩ Võ Trường Toản, *Bình Dương thi xã* là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử và văn hóa vùng đất Nam Bộ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, đặc biệt là sự đóng góp của *Gia Định tam gia*, nổi bật trong đó có Binh Bộ Thượng thư - kiêm quản Khâm Thiên Giám - Hộ Bộ Thượng thư Lê Quang Định.

Hành trạng và sự nghiệp của ngài *Trung Hiến*, *Hộ Bộ Thượng thư*, *Mãn Chính hầu*, *Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu*, *Trụ quốc Tham chính* Lê Quang Định không chỉ lưu dấu trên nhiều vùng miền Tổ quốc, trong văn khắc chuông làng Tiên Nộn ở cổ hương hay trên bia mộ ngài ở Huế..., mà đặc biệt là tư tưởng thống nhất non sông gấm vóc từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau đã được ông thể hiện xuất sắc trong tác phẩm *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*.

3. Vấn đề đặt ra

Qua việc xác định lăng mộ ông bà Lê Quang Định ở Huế, thì từ đây có thể khẳng định mộ phần của cả ba vị công thần triều Nguyễn trong *Gia Định tam gia*, đó là Trịnh Hoài Đức ở Đồng Nai, Ngô Nhân Tĩnh ở Sài Gòn và Lê Quang Định ở Huế. Việc khẳng định hành trạng và sự nghiệp của các nhân vật lịch sử thuộc hàng đại công thần của triều Nguyễn, *Gia Định tam gia* nói chung và đặc biệt là Hộ Bộ Thượng thư Lê Quang Định nói riêng, có vai trò rất quan trọng, đặc biệt được thể hiện rõ nét trong công trình địa chí - lịch sử - văn hóa *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong giai đoạn hiện nay là vấn đề cấp thiết rất cần được quan tâm, nhấn mạnh việc gắn liền giáo dục truyền thống

lịch sử và văn hóa đối với thế hệ trẻ, cho mục tiêu phát triển du lịch. Chính vì vậy mà việc tôn tạo khu lăng mộ Lê Quang Định và nhà thờ gia tộc Lê Quang ở làng Tiên Nộn (xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế), trong tương quan với khu lăng mộ của Trịnh Hoài Đức ở Biên Hòa, của Ngô Nhân Tĩnh ở Thành phố Hồ Chí Minh sẽ mang nhiều ý nghĩa thiết thực, đặc biệt nhằm nhấn mạnh công lao những nhân vật kiến thiết nền tảng giáo dục khoa bảng trên đất phương Nam đầu thời Nguyễn.

Việc gắn kết hậu duệ của gia tộc Lê Quang ở làng Tiên Nộn và cả ở các địa phương khác trong việc giải quyết vấn đề trùng tu tôn tạo khu lăng mộ cần được ưu tiên hàng đầu. Chúng tôi cũng đã liên hệ với gia tộc Lê Quang ở làng Tiên Nộn và chi phái Lê Quang các nơi nhằm khảo cứu các nguồn tài liệu gia tộc, hy vọng có thể bổ sung, làm sáng tỏ hơn về gia thế và sự nghiệp của Hộ Bộ Thượng thư Lê Quang Định. Có như vậy, việc tái bản có sửa chữa và bổ sung bản dịch công trình mang nhiều giá trị to lớn của ông là *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* của nhà nghiên cứu Phan Đăng trong kế hoạch hợp tác với Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế năm 2020 sẽ được hoàn thiện hơn, mang nhiều ý nghĩa thiết thực hơn.

T Đ H

CHÚ THÍCH

- (1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam liệt truyện* (bản dịch Viện Sử học). Tập 2. Quyển 11. Tr. 196-198.
- (2) Theo nhà nghiên cứu Phan Đăng, Lê Quang Định còn có tự hiệu khác là Chỉ Sơn (Xem thêm Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Phan Đăng dịch, có sửa chữa bổ sung, Hà Nội, Nxb Thế giới. Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế & Thái Hà Books phát hành, dự kiến xuất bản trong quý 3/2020).
- (3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục* (bản dịch của Viện Sử học). Tập I. Nxb Giáo dục, Hà Nội. Tr. 232.
- (4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 248.
- (5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 291, 302.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập 2, quyển 11, tr. 196-198. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 684.
- (7) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 769, 783.
- (8) Xem thêm bản thảo Lê Quang Định. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Tlđđ.
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 826.
- (10) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 858.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam liệt truyện*. Tlđđ. Tr. 196-198.
- (12) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập 7. Tr. 256.
- (13) Cám ơn thông tin của nhà nghiên cứu, dịch giả Phan Đăng (Xem thêm Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch, có sửa chữa bổ sung, Tlđđ).

- (14) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam liệt truyện*. Tlđđ. Tr. 196-198.
- (15) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập II. Tr. 367.
- (16) Lê Quang Trường (2011). “Giới thiệu bài Tựa tập Gia Định tam gia thi và diện mạo bản khắc tập thơ”. *Tạp chí Hán Nôm*. Số 3 (106). Tr.73 - 82.
- (17) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tlđđ. Tập I. Tr. 684.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Quang Định. (2005). *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch, chú giải, giới thiệu. Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây. Huế.
- Lê Quang Định. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch, có sửa chữa bổ sung. Nxb Thế giới. Hà Nội. Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế & Thái Hà Books phát hành, dự kiến xuất bản trong quý 3/2020.
- Lê Quang Trường. (2011). “Giới thiệu bài Tựa tập Gia Định tam gia thi và diện mạo bản khắc tập thơ”. *Tạp chí Hán Nôm*. Số 3 (106).
- Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam liệt truyện*. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tập I.
- Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tập II.

TÓM TẮT

Lê Quang Định (1759-1813) quê gốc ở làng Tiên Nộn, nay thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cha mất sớm, gia cảnh nghèo khó, ông theo người anh di cư vào Gia Định, ngụ ở Bình Dương. Sau ông theo phò vua Gia Long, lập được nhiều công trạng, làm quan đến chức Binh Bộ, rồi Hộ Bộ Thượng thư. Ông là tác giả bộ *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bộ địa chí đồ sộ được biên soạn theo lệnh của vua Gia Long, thể hiện rõ nét tinh thần thống nhất giang sơn thời Nguyễn.

Kết hợp giữa tài liệu thư tịch và những phát hiện mới về Lê Quang Định qua quả chuông đồng tại chùa làng Tiên Phước và bia mộ của vợ chồng ông tại phường An Tây, bài viết này góp phần làm rõ hành trạng của ông tại quê nhà Thừa Thiên Huế.

Những chi tiết mới mẻ này, cùng với việc khảo sát các tư liệu của dòng họ Lê Quang tại Tiên Nộn, sẽ thiết thực giúp cho việc bổ sung, chỉnh sửa và tái bản bộ *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* trong năm 2020.